

Số: /YC-TTYT

Quảng Khê, ngày 20 tháng 05 năm 2026

V/v yêu cầu báo giá Mua sắm Vật tư y tế, hoá chất xét nghiệm.

## YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Trung tâm Y tế khu vực Đắk Glong có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho việc Mua sắm vật tư y tế, hoá chất xét nghiệm với nội dung như sau:

### I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế khu vực Đắk Glong.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Chị Nguyễn Thị Thành – Phó trưởng khoa Dược – TTB – VTYT – Trung tâm Y tế khu vực Đắk Glong, số điện thoại: 0986.976.167.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

*Quý công ty có thể lựa chọn báo giá theo một trong các cách thức sau:*

- *Nhận trực tiếp tại địa chỉ:* Phòng Tổ chức Hành chính – kế toán – Trung tâm Y tế khu vực Đắk Glong: Bon Ka Nur xã Quảng Khê tỉnh Lâm Đồng. (Nhận vào giờ hành chính các ngày trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu).

- *Nhận qua email:* [bvdkdakglong.khoaduoc@gmail.com](mailto:bvdkdakglong.khoaduoc@gmail.com). nhận file mềm excel và bản scan.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h00 ngày 20 tháng 05 năm 2026 đến trước 17h ngày 02 tháng 06 năm 2026.

### II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục vật tư y tế: (theo danh mục đính kèm).

2. Địa điểm cung cấp: Khoa Dược – TTB – VTYT. Trung tâm Y tế khu vực Đắk Glong. Đ/c: Bon Ka Nur xã Quảng Khê tỉnh Lâm Đồng.

3. Báo giá có đầy đủ các thông tin theo mẫu phụ lục kèm theo thông báo này (bao gồm đầy đủ chữ ký của người có thẩm quyền và dấu của công ty).

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, KD (Ds.T).

**GIÁM ĐỐC**

**VŨ XUÂN TÂN**

## PHỤ LỤC

### BÁO GIÁ<sup>(1)</sup>

#### Kính gửi: Trung tâm Y tế khu vực Đắk Glong

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm Y tế khu vực Đắk Glong, chúng tôi .... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các hàng hóa như sau:

1. Báo giá vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm chuẩn đoán, khí y tế.

STT	Danh mục hàng hóa <sup>(2)</sup>	Thông số kỹ thuật của hàng hóa báo giá	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất <sup>(3)</sup>	Quy cách đóng gói	Mã HS <sup>(4)</sup>	Năm sản xuất <sup>(5)</sup>	Xuất xứ <sup>(6)</sup>	Đơn vị tính	Số lượng/khối lượng <sup>(7)</sup>	Đơn giá <sup>(8)</sup> (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan <sup>(9)</sup> (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) <sup>(10)</sup> (VND)	Thành tiền <sup>(11)</sup> (VND)	Giá kê khai (còn hiệu lực) (VND)	Mã kê khai	Mã VTYT theo quyết định 5086/QĐ-BYT (nếu có)
<b>Cộng khoản: .... khoản</b>																

*(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của các hàng hóa).*

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày],

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp<sup>(12)</sup>**  
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

**Ghi chú:**

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này..
  - (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục hàng hóa” trong Yêu cầu báo giá.
  - (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của hàng hóa tương ứng với chủng loại hàng hóa ghi tại cột “Danh mục hàng hóa”.
  - (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng mặt hàng.
  - (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của từng mặt hàng.
  - (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng theo đúng số lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
  - (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng mặt hàng.
  - (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng mặt hàng; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.
  - (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng mặt hàng. Đối với các mặt hàng nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của mặt hàng đó.
  - (11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng mặt hàng. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng mặt hàng (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.
- Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). (12)  
Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền,

phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

## Phụ lục

### DANH MỤC MUA SẴM MUA SẴM VẬT TƯ Y TẾ

(Kèm theo thông báo số: ...../TB-TTYT ngày 20 tháng 05 năm 2026)

STT	Mã số hàng hóa	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật hàng hóa	Số lượng	Ghi chú
<b>Danh mục 1: Thiết bị, Vật tư y tế thông thường</b>						
1		Bông y tế	Kg	Bông y tế thấm nước 1kg	1	
2		Bông y tế	Gói	Bông y tế thấm nước 25g	1	
3		Đè lưỡi gỗ	Cái	Đè lưỡi gỗ	1	
4		Găng tay cao su y tế	Đôi	Găng tay cao su y tế, dài 240 mm, có bột, các số, các cỡ	1	
5		Găng tay cao su y tế	Đôi	Găng tay cao su y tế, dài 240 mm, không bột, các số, các cỡ	1	
6		Khẩu trang y tế 3 lớp	Cái	Khẩu trang y tế 3 lớp thông thường, đã tiệt khuẩn, có nẹp mũi	1	
7		Bơm tiêm sử dụng một lần 5ml/cc, đầu côn hoặc đầu xoắn, kim các số	Cái	Bơm tiêm sử dụng một lần 5ml/cc, đầu côn hoặc đầu xoắn, kim các số	1	
8		Bơm tiêm sử dụng một lần 10ml/cc, đầu côn hoặc đầu xoắn, kim các số	Cái	Bơm tiêm sử dụng một lần 10ml/cc, đầu côn hoặc đầu xoắn, kim các số	1	
9		Lọ nhựa đựng mẫu bệnh phẩm	Lọ	Lọ nhựa đựng mẫu 50ml, nắp đỏ, có nhãn	1	
10		Ống đựng bệnh phẩm các loại	Cái	Ống nghiệm nhựa PS 5ml nắp trắng, không nhãn	1	
11		Ống đựng bệnh phẩm các loại	Cái	Ống nghiệm EDTA K3 2ml nắp xanh dương, mous thấp	1	
12		Ống đựng bệnh phẩm các loại	Cái	Ống nghiệm Heparin lithium 2ml nắp đen, mous thấp	1	
13		Cốc đựng mẫu dùng cho máy sinh hoá	Cái	Chất liệu nhựa PS nguyên sinh, phù hợp cho máy Hitachi, kích thước 16 x 35mm, 2 - 2.5ml. • Độ trong giống như thủy tinh giúp truyền ánh sáng tuyệt vời để làm thí nghiệm. • Quy cách: 500 cái/gói	1	
14		Đầu col xanh có khóa		Đầu tip lấy mẫu, thể tích hút đến 1000ul, có khóa.		

15		Nước cất.	Can	Dùng trong xét nghiệm (sinh hóa, miễn dịch,...). Quy cách đóng gói: Can 10 lít	1	
16		Dây garo y tế	Cái	Dây garo y tế	1	
17		Kim luồn tĩnh mạch	Cái	Kim luồn tĩnh mạch an toàn, có cánh, có cửa, cửa chích thuốc với nắp tự khóa để dễ dàng mở và đóng, có đầu bảo vệ bằng nhựa	1	
<b>Danh mục 2: Phim X-Quang tương thích với Hệ thống xử lý hình ảnh X-Quang số hóa CR- Fujifilm, máy in phim khô Drypix Lite (Drypix 2000)</b>						
1		Phim dùng cho chụp X-quang y tế	Tờ	Phim X-Quang kỹ thuật số công nghệ in nhiệt, kích thước 20cm x 25cm tương thích với Hệ thống xử lý hình ảnh X-Quang số hóa CRFujifilm, máy in phim khô Drypix Lite (Drypix 2000) hiện có	1	
<b>Danh mục 3: Que thử/ Khay thử dùng trong xét nghiệm các loại</b>						
1		Test nước tiểu 13 thông số dùng cho máy Combyliser 13 Human hiện có	Test/Cái	Test nước tiểu 13 thông số dùng cho máy Combyliser 13 Human hiện có	1	
<b>Danh mục 4: Hóa chất sử dụng tương thích với máy huyết học Celltac Alpha MEK-6510K và Celltac G MEK-9100</b>						
1		Dung dịch pha loãng cho máy phân tích huyết học 18 thông số	Can	Dung dịch pha loãng dùng cho máy phân tích huyết học 18 thông số, can $\geq 18$ lít. Tương thích với máy huyết học Celltac Alpha MEK-6510K	1	
2		Dung dịch ly giải dùng cho máy phân tích huyết học 18 thông số	Can	Dung dịch ly giải dùng cho máy phân tích huyết học 18 thông số, can $\geq 500$ ml. Tương thích với máy huyết học Celltac Alpha MEK-6510K	1	
3		Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích huyết học 18 thông số	Can	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích huyết học 18 thông số; thành phần: Polyoxyethylene nonylphenyl ether và Ethylene glycol monophenyl ether; can $\geq 5$ lít. Tương thích với máy huyết học Celltac Alpha MEK-6510K	1	
4		Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích huyết học 18 thông số	Can	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích huyết học 18 thông số; thành phần: dung dịch Natri hypoclorit; can $\geq 5$ lít. Tương thích với máy huyết học Celltac Alpha MEK-6510K	1	
5		Dung dịch nội kiểm máy phân tích huyết học 18 thông số mức bình thường	Lọ	Dung dịch nội kiểm máy phân tích huyết học 18 thông số mức bình thường, lọ $\geq 2$ ml. Tương thích với máy huyết học Celltac Alpha MEK-6510K	1	
6		Dung dịch nội kiểm máy phân tích huyết học 18 thông số mức thấp	Lọ	Dung dịch nội kiểm máy phân tích huyết học 18 thông số mức thấp, lọ $\geq 2$ ml. Tương thích với máy huyết học Celltac Alpha MEK-6510K	1	
7		Dung dịch nội kiểm máy phân tích huyết học 18 thông số mức cao	Lọ	Dung dịch nội kiểm máy phân tích huyết học 18 thông số mức cao, lọ $\geq 2$ ml. Tương thích với máy huyết học Celltac Alpha MEK-6510K	1	
8		Dung dịch pha loãng cho máy phân tích huyết học 33 thông số	Can	Dung dịch pha loãng dùng cho máy phân tích huyết học 33 thông số, can $\geq 18$ lít. Tương thích với máy huyết học Celltac G MEK-9100	1	
9		Dung dịch ly giải dùng cho máy phân tích huyết học	Can	Dung dịch ly giải dùng cho máy phân tích huyết học 33 thông số. Thành	1	

		33 thông số		phần: Chất hoạt động bề mặt mang điện tích dương. Dung tích: >=250ml. Tương thích với máy huyết học Celltac G MEK-9100		
10		Dung dịch ly giải dùng cho máy phân tích huyết học 33 thông số	Can	Dung dịch ly giải dùng cho máy phân tích huyết học 33 thông số. Thành phần: Chất hoạt động bề mặt mang điện tích âm. Dung tích: >=250ml. Tương thích với máy huyết học Celltac G MEK-9100	1	
11		Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích huyết học 33 thông số	Can	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích huyết học 33 thông số. Thành phần: ethylene glycol monophenyl ether. Dung tích: >= 2000ml. Tương thích với máy huyết học Celltac G MEK-9100	1	
12		Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích huyết học 33 thông số	Can	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích huyết học 33 thông số. Thành phần: Natri hypoclorit. Dung tích: >=45ml. Tương thích với máy huyết học Celltac G MEK-9100	1	
13		Dung dịch nội kiểm máy phân tích huyết học 33 thông số mức bình thường	Lọ	Dung dịch nội kiểm máy phân tích huyết học 33 thông số mức bình thường, lọ >=3ml. Tương thích với máy huyết học Celltac G MEK-9100	1	
14		Dung dịch nội kiểm máy phân tích huyết học 33 thông số mức thấp	Lọ	Dung dịch nội kiểm máy phân tích huyết học 33 thông số mức thấp, lọ >=3ml. Tương thích với máy huyết học Celltac G MEK-9100	1	
15		Dung dịch nội kiểm máy phân tích huyết học 33 thông số mức cao	Lọ	Dung dịch nội kiểm máy phân tích huyết học 33 thông số mức cao, lọ >=3ml. Tương thích với máy huyết học Celltac G MEK-9100	1	
<b>Danh mục 5: Hóa chất sử dụng tương thích với máy sinh hóa tự động GLOBAL 240, máy và máy SAT 450 hoặc tương đương</b>						
1		Hoá chất định lượng AST	MI	Hoá chất định lượng AST	1	
2		Hoá chất định lượng ALT	MI	Hoá chất định lượng ALT	1	
3		Hoá chất định lượng Creatinine	MI	Hoá chất định lượng Creatinine	1	
4		Hóa chất hiệu chuẩn (Calibration) CRP	MI	Hóa chất hiệu chuẩn (Calibration) CRP	1	
5		Hóa chất nội kiểm (quality control) CRP mức thấp	MI	Hóa chất nội kiểm (quality control) CRP mức thấp	1	
6		Hóa chất nội kiểm (quality control) CRP mức cao	MI	Hóa chất nội kiểm (quality control) CRP mức cao	1	
7		Hoá chất định lượng Glucose	MI	Hoá chất định lượng Glucose	1	
8		Hoá chất định lượng Urea	MI	Hoá chất định lượng Urea	1	
9		Hoá chất hiệu chuẩn (Calibration) máy sinh hóa	MI	Hoá chất hiệu chuẩn (Calibration) máy sinh hóa	1	
10		Hóa chất nội kiểm (Quality control) máy sinh hóa mức 1	MI	Hóa chất nội kiểm (Quality control) máy sinh hóa các mức	1	
11		Hóa chất nội kiểm (Quality control) máy sinh hóa mức 2	MI	Hóa chất nội kiểm (Quality control) máy sinh hóa các mức	1	
12		Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hoá	MI	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hoá, khử protein, thành phần có chứa Sodium hypochlorite	1	

13	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hoá	MI	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hoá, tẩy nhờn, thành phần có chứa Sulfuric acid	1
<b>Tổng cộng: 47 khoản.</b>				